

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 - 7 - 2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**.
2. Bà **Huỳnh Phương Lan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Lâm Sển**- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2019/TLST - HNGĐ ngày 08-4-2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐ-TA ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PL, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG

* *Bị đơn:* Anh **Danh Vũ A**, sinh năm 1982 (Vắng mặt lần thứ hai không lý do)

Địa chỉ: ấp PL, xã MB B, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị M trình bày: Vào năm 2001, chị và anh

Danh Vũ A tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau và có 02 người con chung tên Danh Anh Q, sinh ngày 25/3/2004 và Danh Ngọc Q1, sinh ngày 28/9/2006. Nhưng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa giải hôm nay, chị Nguyễn Thị M yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Danh Vũ A
- Về việc nuôi con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung tên Danh Anh Q, sinh ngày 25/3/2004 và Danh Ngọc Q1, sinh ngày 28/9/2006, chị không yêu cầu anh Vũ A phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Danh Vũ A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và trong phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2]- Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Danh Vũ A đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Danh Vũ A vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh Vũ A theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh Vũ A.

[3] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Danh Vũ A và xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Danh Anh Q, sinh ngày 25/3/2004 và Danh Ngọc Q1, sinh ngày 28/9/2006. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*

[4] - Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị M xác nhận là đã chung sống với anh Danh Vũ A từ năm 2001 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 01 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 01 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó HĐXX cần xử không công nhận mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị M và anh Danh Vũ A là vợ chồng, là phù hợp đúng quy định pháp luật.

[5] - Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị M xác định có 02 người con chung Danh Anh Q, sinh ngày 25/3/2004 và Danh Ngọc Q1, sinh ngày 28/9/2006 hiện đang sống cùng chị. Chị yêu cầu cho chị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Danh Vũ A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại hai cháu Danh Anh Q và Danh Ngọc Q1 đang sống cùng chị Nguyễn Thị M từ khi anh chị sống ly thân vào năm 2015 cho đến nay; Trong biên bản ghi lời khai hai cháu Q và Q1 thì các cháu cũng thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình là được sống cùng mẹ. Để không làm thay đổi môi trường sống và để cho các cháu có điều kiện phát triển một cách bình thường nên cần giao hai cháu Danh Anh Q, sinh ngày 25/3/2004 và Danh Ngọc Q1, sinh ngày 28/9/2006 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ, đúng theo nguyện vọng của các cháu và đúng quy định của pháp luật.

[6] - Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] - Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp nên ghi nhận để xem xét.

[9] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009661 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14; Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị M và anh Danh Vũ A là vợ chồng.

2 - Về quan hệ con chung: Giao hai cháu Danh Anh Q, sinh ngày 25/3/2004 và Danh Ngọc Q1, sinh ngày 28/9/2006 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh Danh Vũ A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Danh Vũ A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4 - Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5- Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009661 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Mai Tấn Đầu